

Bản án số: 98/2021/HS-ST

Ngày: 23-12-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lưu Văn Đê.

Bà Trần Thị Phụng.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐ-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 100/TB-TA ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Phạm Văn B**, sinh năm 1992; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 12, KĐ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn, Đảng: Không; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1964; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là thứ tư; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/7/2021 đến ngày 06/8/2021 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

**2. Phan Quốc T**, sinh năm 2000; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn, Đảng: Không; con ông Phan Văn T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/7/2021 đến ngày 06/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

**3. Trần Ngọc K**, sinh năm 2000; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 16, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn, Đảng: Không; con ông Trần Văn V, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/7/2021 đến ngày 06/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

*- Bị hại:*

1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 12, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 17, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

3. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 15, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

*- Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1960; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; vắng mặt.

3. Ông Vũ Văn L, sinh năm 1970; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; vắng mặt.

5. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 18/7/2021, Phạm Văn B đi bộ từ thị trấn Y đến cầu chợ Đ, thuộc xóm 13, xã H thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 18F7-3760 của bà Phạm Thị P đang dựng ở chân cầu, cầm sẵn chìa khóa điện, không có người trông coi, B mở khóa điện xe mô tô điều khiển xe đi đến khu vực cầu Sông Hồng xã H bán cho người đàn ông khoảng 35 tuổi không biết tên, địa chỉ với giá 1.000.000 đồng rồi ăn tiêu hết. Đến 14 giờ cùng ngày, Phạm Văn B tiếp tục đi bộ đến khu vực xóm 17, xã H phát hiện xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA sơn màu nâu, biển kiểm soát 18S4-4294 của anh Nguyễn Văn S đang để ở sân trước nhà, chìa khóa cắm ở ổ khóa, không có người trông coi. B vào lấy và điều khiển xe đến khu vực chợ C, thị trấn C, huyện H bán cho ông Vũ Văn L với giá 500.000 đồng ăn tiêu hết.

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 20/7/2021, Phạm Văn B đi bộ đến xóm N, xã H

thì phát hiện sân trước nhà chị Phạm Thị D đang dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu ORIGIN sơn màu nâu, biển kiểm soát 18F6-5346 của bà Đỗ Thị P chìa khóa điện cắm ở ổ khóa, không có người trông coi. B lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô rồi điều khiển đến chợ C, thị trấn C, huyện H bán cho người đàn ông khoảng 45 tuổi không biết rõ tên, địa chỉ với giá 250.000 đồng rồi ăn tiêu hết.

Khoảng 04 giờ ngày 27/7/2021, Phạm Văn B đi bộ đến khu vực chợ C thuộc Tổ dân phố số 2, thị trấn C phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 18H1-271.95 của bà Nguyễn Thị H đang dựng ở cạnh đường bên bờ sông, cắm sẵn chìa khóa điện, không có người trông coi. B mở khóa điện rồi điều khiển xe đi đến khu vực gần cổng chào xã H thì gặp vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị D đang bán thịt lợn bên đường, B hỏi mượn 500.000 đồng và gửi chiếc xe trên hện ngày hôm sau sẽ đến trả tiền rồi lấy xe thì ông M, bà D đồng ý, sau khi có tiền B đi bộ về hướng cầu Y rồi ăn tiêu hết.

Khoảng 06 giờ ngày 28/7/2021, Phạm Văn B tiếp tục đi bộ đến khu vực cánh đồng thuộc xóm 15, xã H phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen, biển kiểm soát 18G1-139.47 của bà Nguyễn Thị M đang làm cỏ dưới ruộng lúa, chìa khóa điện cắm ở ổ khóa, không có người trông coi, B đi đến ngồi lên xe nổ máy và điều khiển đến Thư viện huyện Hải Hậu, mở cốp lấy chiếc cờ lê tháo biển kiểm soát cho vào trong cốp rồi đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Văn P và nói “em có xe không giấy tờ anh có mua không”, anh P trả lời “không mua”. Lúc này, Phan Quốc T và Trần Ngọc K đang sửa xe ở đó, anh P nói với T, K “nhìn thằng này giống thằng nghiện có khi xe ăn trộm, ăn cắp” thì T và K không nói gì. Sau khi sửa xe xong, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18H1-648.00 chở T đến thị trấn Y để mua phụ kiện xe máy, khi đi đến khu vực cầu Y thấy B đang dựng xe trên cầu. T bảo K “mày chở tao lên gặp thằng kia tao hỏi mua xe về đi làm”, K nhận thức được xe mô tô B điều khiển là do trộm cắp mà có nên nói T mua làm gì cái loại xe đẩy nhưng vẫn chở T đến chỗ B đang đứng. Gặp B, T hỏi mua xe, B đồng ý bán xe cho T với giá 750.000 đồng và điều khiển xe đi về khu vực cầu Ngói, xã H. Còn K chở T về nhà lấy tiền rồi cả hai ra gặp B trả tiền và nhận xe, sau đó B tiêu sài cá nhân hết.

Đến 18 giờ ngày 28/7/2021, Phạm Văn B đến Công an huyện Hải Hậu đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phan Quốc T và Trần Ngọc K; thu giữ tại nhà T 01 xe mô tô biển kiểm soát 18G1-139.47.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 04/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hải Hậu kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 18H1-271.95 trị giá 5.000.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 18G1-139.47 trị giá 6.500.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 18F6-5346 trị giá 2.500.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 18F7-3760 trị giá 4.000.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 26/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận 01 xe mô tô biển kiểm soát 18S4-4294 có trị giá 3.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản B chiếm đoạt là 21.000.000 đồng (Hai mươi

một triệu đồng). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trên.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu hồi được 03 xe mô tô và đã trả cho các bị hại anh Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M; còn 02 xe mô tô không thu hồi được thì gia đình bị cáo đã bồi thường thay bị cáo cho bà Nguyễn Thị P 4.000.000 đồng và bà Đỗ Thị P 2.500.000 đồng. Đến nay các bị hại không có ai yêu cầu bồi thường thêm về dân sự.

Cáo trạng số 82/CT-VKSHH ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố Phạm Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Phan Quốc T và Trần Ngọc K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Phan Quốc T và Trần Ngọc K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn B từ 24 đến 30 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt Phan Quốc T từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Ngọc K từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Trả lại bị cáo số tiền 3.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp thay bị cáo để trả tiền cầm cố, gửi xe cho ông L và vợ chồng ông M nhưng ông L, ông M không nhận.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận đã phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/7/2021 đến ngày 28/7/2021, Phạm Văn B đã đến các xã Hải Anh, Hải Long, Hải Thanh, thị trấn Cồn, Hải Trung thuộc địa bàn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị P 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F7-3760 trị giá 4.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn S 01 xe mô tô biển kiểm soát 18S4-4294 trị giá 3.000.000 đồng; bà Đỗ Thị P 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F6-5346 trị giá 2.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị H 01 xe mô tô biển kiểm soát 18H1-271.95 trị giá 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị M 01 xe mô tô biển kiểm soát 18G1-139.47 trị giá 6.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Phạm Văn B đã chiếm đoạt của 05 bị hại là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng). Các bị cáo Phan Quốc T, Trần Ngọc K mặc dù không bàn bạc, hứa hẹn trước với Phạm Văn B nhưng biết rõ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18G1-139.47 do Phạm Văn B trộm cắp mà có do ham rẻ nên đã mua chiếc xe với giá 750.000 đồng. Hành vi của Phạm Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của Phan Quốc T và Trần Ngọc K đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng .... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định:

*“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*

[3] Xét hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Phạm Văn B đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; Phan Quốc T và Trần Ngọc K vì ham rẻ đã tiếp tay tiêu thụ tài sản cho đối tượng trộm cắp. Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi của mình gây ra. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo Phan Quốc T, Trần Ngọc K trong tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thì thấy, bị cáo T là người khởi xướng phạm tội, bỏ tiền ra để mua chiếc xe do B trộm cắp để sử dụng nên có vai trò đầu. Bị cáo K nhận thức được chiếc xe mô tô T hỏi mua của B có nguồn gốc không rõ ràng nhưng không ngăn cản T mà khi được T rủ rê lại tích cực giúp sức cho T nên có vai trò thứ yếu, thấp hơn T.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo K trước khi phạm tội là sinh viên.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn B đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phan Quốc T và Trần Ngọc K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo B sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tích cực tác động gia đình bồi thường cho các bị hại nên bị cáo B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, K lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo Phan Quốc T và Trần Ngọc K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo, vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Xét bị cáo Phạm Văn B phạm tội nhiều lần nên cần tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét các bị cáo Phan Quốc T, Trần Ngọc K đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có ý thức tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Do đó không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được tự cải tạo dưới sự theo dõi, giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý tài sản thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ được 03 xe mô tô biển kiểm soát 18S4-4294, 18H1-271.95, 18G1-139.47 và đã trả lại cho các bị hại là anh Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M; còn lại 02 chiếc xe mô tô không thu hồi được, gia đình bị cáo Phạm Văn B đã bồi thường cho bị hại là bà Nguyễn Thị P 4.000.000 đồng và

bà Đỗ Thị P 2.500.000 đồng. Sau khi nhận lại tài sản, các bị hại trên không đề nghị bồi thường về phần dân sự nên không xem xét.

Đối với ông Vũ Văn L và vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị D là người đã mua và cho gửi xe nhưng không biết là tài sản do bị cáo B phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý. Trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn B đã tác động gia đình nộp 3.000.000 đồng để trả lại số tiền mua, gửi xe cho ông L và vợ chồng ông M. Tuy nhiên, ông Vũ Văn L và ông Phạm Văn M không nhận nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với 02 người đàn ông đã mua xe mô tô của Phạm Văn B trộm cắp được tại khu vực xã Hải Quang và thị trấn Cồn, do bị cáo không biết rõ tên, địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt Phạm Văn B 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2021.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Phan Quốc T và Trần Ngọc K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt Phan Quốc T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày 23/12/2021. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 29/7/2021 đến ngày 06/8/2021).

Xử phạt Trần Ngọc K 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày 23/12/2021. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 29/7/2021 đến ngày 06/8/2021).

Giao bị cáo Phan Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Ngọc K cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đối với các bị cáo Phan Quốc T và Trần Ngọc K theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 35 và 36/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 20 tháng 10 năm 2021.

4. Về xử lý tài sản đã thu giữ: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả cho bị cáo Phạm Văn B số tiền 3.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003671 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án huyện Hải Hậu nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Phạm Văn B, Phan Quốc T, Trần Ngọc K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện Hải Hậu;
- UBND xã TĐ;
- UBND xã HM;
- UBND xã HA;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Trung Kiên**



Các bị hại bà Phạm Thị P, anh Nguyễn Văn S, bà Đỗ Thị P, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M và người làm chứng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn L, anh Nguyễn Văn P, anh Phạm Văn Thuật đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt các bị hại, người làm chứng trên là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.